

Số: *127* QĐ-UBND

Sơn La, ngày *22* tháng *01* năm *2024*

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (đợt 1)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. *wt*

| STT | Danh mục   | Đơn vị tính (đồng) |
|-----|--|--------------------|
| 1   | Bồi thường về đất                                  | 0                  |
| 2   | Bồi thường nhà, công trình                         | 0                  |
| 3   | Bồi thường cây trồng, vật nuôi                     | 43.385.000         |
| 4   | Bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt  | 0                  |
| 5   | Bồi thường di chuyển mồ mả                         | 0                  |
| 6   | Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất                | 0                  |
| 7   | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề                    | 0                  |
| 8   | Hỗ trợ tái định cư                                 | 0                  |
| 9   | Hỗ trợ người đang thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước | 0                  |
| 10  | Hỗ trợ đất công ích của xã, phường, thị trấn       | 0                  |
| 11  | Hỗ trợ khác  | 0                  |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>43.385.000</b>  |

(Có biểu tổng hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án kèm theo)

b) Tiền sử dụng đất ở và nghĩa vụ tài chính (nếu có) trừ vào tiền bồi thường, hỗ trợ: 0 đồng.

c) Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ phải chi trả: 43.385.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

d) Chi phí lập và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng: Thực hiện theo Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính.

e) Nguồn vốn chi trả: Vốn của dự án.

**6. Việc bố trí tái định cư:** Không

**7. Việc giao đất tái định cư:** Không

**8. Việc di dời các công trình của Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư:** Không

**9. Việc di dời mồ mả:** Không

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. UBND huyện Mộc Châu**

1.1. Chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu các phòng ban, đơn vị liên quan thực hiện công khai, niêm yết phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt; tổ chức chi trả các khoản bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định. *wt*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 844/TTr-STNMT ngày 15/12/2023; UBND huyện Mộc Châu tại Tờ trình số 4836/TTr-UBND ngày 27/11/2023,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiêu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (đợt 1) với nội dung như sau:

**1. Đối tượng có đất thu hồi đất:** Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

### 2. Vị trí, địa điểm khu đất thu hồi

2.1. Địa chỉ: Tiêu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu.

2.2. Vị trí, ranh giới các thửa đất thu hồi được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 04-2023 thị trấn Nông trường Mộc Châu tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường đo vẽ tháng 4/2023, được UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng ngày 10/5/2023, được Xí nghiệp đo đạc bản đồ nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra tháng 5/2023 và được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 18/5/2023.

2.3. Nguồn gốc đất: Thuộc diện tích UBND tỉnh cho Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu thuê đất tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 và Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 31/8/2023.

**3. Diện tích đất thu hồi:** 12.673,3 m<sup>2</sup>

| STT         | Số tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Loại đất |
|-------------|--------------|---------|-----------------------------|----------|
| 1           | 04-2022      | 5       | 6.857,4                     | NHK      |
| 2           | 04-2022      | 8       | 5.575,6                     | NHK      |
| 3           | 04-2022      | 12      | 47,2                        | NHK      |
| 4           | 04-2022      | 13      | 193,1                       | NHK      |
| <b>Tổng</b> |              |         | <b>12.673,3</b>             |          |

**4. Loại đất thu hồi:** Đất trồng cây hàng năm khác.

### 5. Kinh phí của Phương án

a) Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: **43.385.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn). Trong đó: *unt*

1.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu, đối tượng được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu, Chủ tịch UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu; Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị; tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mt*

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các phòng: KT, TH - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Hậu**





## BIỂU SỐ 01

Chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu

(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: Đồng


| STT   | Nội dung  | Nguồn gốc/Năm XD                                  | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Bồi thường về đất | Bồi thường, hỗ trợ tài sản | Bồi thường cây cối hoa màu | Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm | Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất | Hỗ trợ khác | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ | Ghi chú   |
|-------|---|---|-----|------------|----------------|-------------------|----------------------------|----------------------------|---|-------------------------------------|-------------|---------------------------------|---|
| A     | Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân  |   |     |            |                |                   |                            | 43.385.000                 |   |                                     |             | 43.385.000                      |   |
| 1     | Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu   |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 1.1   | Về đất đai  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 1.1.1 | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 5 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)   | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 6857,4     |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rõng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp             |
| 1.1.2 | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 8 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)   | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 5575,6     |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình ông Trần Văn Khương đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp           |
| 1.1.3 | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 13 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)  | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 193,1      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đào đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp             |
| 1.1.4 | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 12 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)  | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 47,2       |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình ông Bùi Hữu Cơ bà Phạm Thị Tư đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp |
| 2     | Hoàng Thị Hoan - Đặng Văn Rõng  |   |     |            |                |                   |                            | 26.993.000                 |   |                                     |             | 26.993.000                      |   |
| 2.1   | Về đất đai  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 2.1.1 | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 14 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015) | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 327,7      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rõng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp             |
| 2.1.2 | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 20 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015) | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 278,0      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình ông Trần Văn Khương đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp           |
| 2.2   | Về nhà, công trình (Thửa đất số 5 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)   |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 2.2.1 | Tường rào xây gạch block 220 mm không trát  | 2017  | m2  | 56,3       |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |

vet

| STT   | Nội dung  | Nguồn gốc/Năm XD                                  | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Bồi thường về đất | Bồi thường, hỗ trợ tài sản | Bồi thường cây cối hoa màu | Hỗ trợ chuyên đổi nghề, tìm kiếm việc làm | Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất | Hỗ trợ khác | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ | Ghi chú   |
|-------|---|---|-----|------------|----------------|-------------------|----------------------------|----------------------------|---|-------------------------------------|-------------|---------------------------------|---|
| 2.2.2 | Tường rào xây gạch block 1cm không trát   | 2017  | m3  | 2,7        |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 2.2.3 | Sân phơi bê tông  | 2017  | m2  | 100,8      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 2.2.4 | Mái che xà gỗ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường)  | 2017  | m2  | 109,2      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 2.2.5 | Về cây trồng, vật nuôi  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 2.2.6 | Đồng cỏ chăn nuôi bò (thửa số 5 từ bản đồ số 04-2023)   |   | m2  | 6748,2     | 4.000          |                   |                            | 26.993.000                 |   |                                     |             | 26.993.000                      | Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rõng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp   |
| 2.2.7 | Đồng cỏ chăn nuôi bò (thửa số 14 từ bản đồ số 04-2023)  |   | m2  | 327,7      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rõng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp   |
| 2.2.8 | Đồng cỏ chăn nuôi bò (thửa số 20 từ bản đồ số 04-2023)  |   | m2  | 278,0      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 | Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rõng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp   |
| 3     | <b>Trần Văn Khương</b>  |   |     |            |                |                   |                            | <b>16.392.000</b>          |   |                                     |             | <b>16.392.000</b>               |   |
| 3.1   | <b>Về đất đai</b>   |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 3.1.1 | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 15 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015) | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 592,7      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 3.1.2 | Đất trồng cây lâu năm (Thửa đất số 17 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)  | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 109,0      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 3.2   | <b>Về nhà, công trình (Thửa đất số 8 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)</b>  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 3.2.1 | Tường rào xây gạch block 220 mm không trát  | 2018  | m2  | 75,6       |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 3.2.2 | Sân phơi bê tông  | 2018  | m2  | 111,6      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 3.3   | <b>Về cây trồng, vật nuôi</b>   |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |
| 3.3.1 | Ngô (thửa số 8 từ bản đồ số 04-2023)  |   | m2  | 5464,0     | 3.000          |                   |                            | 16.392.000                 |   |                                     |             | 16.392.000                      | Thửa đất hộ gia đình ông Trần Văn Khương đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp |
| 3.3.2 | Cây đào cho quả từ 3 đến dưới 5 năm (Thửa số 17 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)   |   | Cây | 5,0        |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |   |



| STT      | Nội dung   | Nguồn gốc/Năm XD                                  | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Bồi thường về đất | Bồi thường, hỗ trợ tài sản | Bồi thường cây cối hoa màu | Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm | Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất | Hỗ trợ khác | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ | Ghi chú |
|----------|--|---|-----|------------|----------------|-------------------|----------------------------|----------------------------|---|-------------------------------------|-------------|---------------------------------|---------|
| 3.3.3    | Cây trồng (gỗ thường) có chu vi từ 0,4 m đến 0,5 m (đo cách mặt đất 1,3 m) (Thửa số 17 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)   |   | Cây | 4,0        |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 3.3.4    | Ngo (Thửa số 15 tờ bản đồ số 04-2023)  |   | m2  | 592,7      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| <b>4</b> | <b>Nguyễn Văn Phương - Lê Thị Lý</b>   |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.1      | <b>Về đất đai</b>  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
|          | Đất trồng cây lâu năm (Thửa đất số 4 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)  | Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm | m2  | 332,7      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.2      | <b>Về nhà, công trình (thửa đất số 4 tờ bản đồ số 04-2023)</b>   |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.2.1    | Sân phơi bê tông   | 2009  | m2  | 67,1       |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.2.2    | Chuồng lợn xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng xi măng   | 2009  | m2  | 48,0       |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.2.3    | Kè xây bằng đá   | 2009  | m3  | 7,1        |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.2.4    | Tường rào xây gạch block 110 mm, không trát  | 2009  | m2  | 13,5       |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.3      | <b>Về cây trồng, vật nuôi (thửa đất số 4 tờ bản đồ số 04-2023)</b>   |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.3.1    | Cây bơ cho quả dưới 3 năm  |   | Cây | 2          |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.3.2    | Cây xoan (gỗ thường) có chu vi lớn hơn 0,5 m đến 0,6 m (đo cách mặt đất 1,3 m)   |   | Cây | 7          |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.3.3    | Cây xoan (gỗ thường) có chu vi lớn hơn 0,6 m (đo cách mặt đất 1,3 m)   |   | Cây | 8          |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.3.4    | Cây xoan (gỗ thường) trồng từ 4 năm đến khép tán   |   | Cây | 4          |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 4.3.5    | Cây nhãn cho quả từ 3 đến dưới 5 năm   |   | Cây | 16         |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| <b>5</b> | <b>Nguyễn Thị Đào</b>  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 5.1      | <b>Về đất đai</b>  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
|          | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 3 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015) |   | m2  | 1081,1     |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 5.2      | <b>Về nhà, công trình (thửa đất số 3,13 tờ bản đồ số 04-2023)</b>  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 5.1.1    | Kè xây bằng đá   | 2019  | m2  | 40,7       |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 5.1.2    | Kè xếp khan bằng đá  | 2019  | m3  | 1,9        |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 5.1.3    | Hàng rào lưới thép B40 cọc gỗ  | 2019  | m   | 118,0      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| <b>6</b> | <b>Bùi Hữu Cơ - Phạm Thị Tư</b>  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 6.1      | <b>Về đất đai</b>  |   |     |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |



| STT | Nội dung  | Nguồn gốc/Năm XD | ĐVT            | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Bồi thường về đất | Bồi thường, hỗ trợ tài sản | Bồi thường cây cối hoa màu | Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm | Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất | Hỗ trợ khác | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ | Ghi chú |
|-----|---|------------------|----------------|------------|----------------|-------------------|----------------------------|----------------------------|---|-------------------------------------|-------------|---------------------------------|---------|
|     | Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 2 mảnh trích đo địa chính số 04/2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015) |                  | m <sup>2</sup> | 137,8      |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 6.2 | Về nhà, công trình  |                  |                |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |
| 6.3 | Về cây trồng, vật nuôi  |                  |                |            |                |                   |                            |                            |   |                                     |             |                                 |         |

mt



## BIỂU SỐ 02

Tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (đợt 1)



(Kèm theo Quyết định số 128 /QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

| TT               | Đối tượng bồi thường, hỗ trợ     | Địa chỉ   | Số tiền bồi thường, hỗ trợ | Trong đó  |                                   |                           |                        |              |                                       |                     |                                  | Ghi chú |  |
|------------------|----------------------------------|---|----------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------|------------------------|--------------|---------------------------------------|---------------------|----------------------------------|---------|--|
|                  |                                  |   |                            | BT về đất | BT chi phí đầu tư vào đất còn lại | BT nhà cửa, vật kiến trúc | BT cây trồng, vật nuôi | BT di chuyển | HT chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm | HT ổn định đời sống | Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng |         |  |
| 1                | Công ty CP giống bò sữa Mộc Châu | Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu |                            |           |                                   |                           |                        |              |                                       |                     |                                  |         |  |
| 2                | Hoàng Thị Hoan - Đặng Văn Rõng   | Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu | 26.993.000                 |           |                                   |                           | 26.993.000             |              |                                       |                     |                                  |         |  |
| 3                | Trần Văn Khương                  | Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu | 16.392.000                 |           |                                   |                           | 16.392.000             |              |                                       |                     |                                  |         |  |
| 4                | Nguyễn Văn Phương - Lê Thị Lý    | Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu |                            |           |                                   |                           |                        |              |                                       |                     |                                  |         |  |
| 5                | Nguyễn Thị Đào                   | Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu |                            |           |                                   |                           |                        |              |                                       |                     |                                  |         |  |
| 6                | Bùi Hữu Cơ - Phạm Thị Tư         | Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu |                            |           |                                   |                           |                        |              |                                       |                     |                                  |         |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                  |   | <b>43.385.000</b>          |           |                                   |                           | <b>43.385.000</b>      |              |                                       |                     |                                  |         |  |

10/1